

Số: **85/2022/QĐST-DS**

Đông Đa, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 116, 117, 385, 398, Điều 280, 299, 320, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 12, Điều 50, Điều 56, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ Điều 27, 18, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”.

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 148/2021/TLST-DS ngày 01/12/2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A** (viết tắt Ngân hàng A); Trụ sở: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Chiêu M, ông Nguyễn Thế K, bà Lê Thị H; Địa chỉ liên hệ: phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Ông Lê Văn K**, sinh năm: 1970; **Bà Nguyễn Thu H**, sinh năm: 1971; Cùng hộ khẩu thường trú: phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Anh Lê Duy Kh**, sinh năm 1993;

- **Chị Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1993;

- **Cháu Lê Minh N**, sinh năm 2021 do chị Nguyễn Thị Thanh H đại diện theo pháp luật.

- **Chị Lê Huyền M**, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: phường Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Bà H, anh K, chị H, cháu N do chị Hiền đại diện, chị M - do ông Lê Văn K đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 1451, quyền số 01/2022 TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 25/5/2022.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng A và ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thu H ký 04 hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay, cụ thể:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1907231546551 ngày 07/8/2019. Từng khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ ngày 07/8/2019 với số tiền vay: 500.000.000 đồng;
- Khế ước nhận nợ ngày 21/11/2019 với số tiền vay: 768.000.000 đồng;
- Khế ước nhận nợ ngày 21/11/2019 với số tiền vay: 1.000.000.000 đồng;

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2002062139483 ngày 15/02/2020; Khế ước nhận nợ ngày 18/02/2020 với số tiền vay 731.000.000 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số 6130936 ngày 15/02/2016: Số tiền vay là 2.500.000.000 đồng; Ngày 15/02/2016 ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.500.000.000 đồng.

4. Hợp đồng cho vay số LN1807110791921 ngày 12/7/2018 với số tiền vay: 381.000.000 đồng; Đề nghị giải ngân ngày 13/7/2018.

5. Ngoài ra, Ngân hàng A và ông K ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/8/2017, cụ thể: Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn 19%/năm, mức lãi suất cố định trong suốt thời hạn vay.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp đối với thửa đất tại địa chỉ phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; diện tích 40m², thửa đất số Y (1 phần), tờ bản đồ số 7-A(1956) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BA 584332 do UBND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/3/2010 đứng tên ông K, bà H.

Các đương sự thống nhất xác nhận, tính hết ngày 16/6/2022 ông K, bà H nợ Ngân hàng A tổng số tiền là: 6.784.085.194 đồng (sáu tỷ, bảy trăm tám mươi tư triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm chín mươi tư đồng), gồm: Nợ gốc: 4.822.044.475 đồng; nợ lãi: 1.818.102.163 đồng (lãi trong hạn: 100.513.269 đồng; lãi quá hạn: 1.717.588.894 đồng); Phạt: 143.938.556 đồng; cụ thể số tiền nợ của từng hợp đồng như sau:

1.1. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1907231546551 ngày 07/8/2019:

- Khế ước nhận nợ ngày 07/8/2019, tổng cộng: 703.024.160 đồng, gồm:

Nợ gốc: 500.000.000 đồng;

Nợ lãi: 183.751.113 đồng (lãi trong hạn: 55.261.387 đồng; lãi quá hạn: 178.489.726 đồng);

Phạt chậm trả lãi: 19.273.047 đồng;

- Khế ước nhận nợ ngày 21/11/2019; tổng cộng: 1.081.079.267 đồng, gồm:

Nợ gốc: 768.000.000 đồng;

Nợ lãi: 282.668.251 đồng (lãi trong hạn: 23.955.352 đồng; lãi quá hạn: 258.712.899 đồng);

Phạt chậm trả lãi: 30.411.016 đồng;

- Khế ước nhận nợ ngày 21/11/2019; tổng cộng: 1.404.492.109 đồng, gồm:
Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;
Nợ lãi: 365.277.910 đồng (lãi trong hạn: 20.401.198 đồng; lãi quá hạn: 344.876.712 đồng);
Phạt chậm trả lãi: 39.214.198 đồng;
1.2. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2002062139483 ngày 18/02/2020; tổng cộng: 1.041.024.172 đồng, gồm:
Nợ gốc: 731.000.000 đồng;
Nợ lãi: 278.832.111 đồng (lãi trong hạn: 11.931.995 đồng; lãi quá hạn: 266.900.117 đồng);
Phạt chậm trả lãi: 31.192.060 đồng;
1.3. Hợp đồng tín dụng số 6130936 ngày 15/02/2016, tổng cộng: 1.987.804.791 đồng, gồm:
Nợ gốc: 1.443.787.941 đồng;
Nợ lãi: 544.016.850 đồng (lãi trong hạn: 32.628.596 đồng; lãi quá hạn: 511.388.254 đồng);
1.4. Hợp đồng tín dụng số LN1807110791921 ngày 12/7/2018; tổng cộng: 374.561.128 đồng; đề nghị giải ngân ngày 13/7/2018, gồm:
Nợ gốc: 264.519.838 đồng;
Nợ lãi: 98.517.574 đồng (lãi trong hạn: 5.878.264 đồng; lãi quá hạn: 92.639.310 đồng);
Phạt chậm trả lãi: 11.523.716 đồng;
1.5. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/8/2017 vì phạm ngày 03/6/2020; tổng cộng 192.099.568 đồng, gồm:
Nợ gốc: 114.736.696 đồng;
Nợ lãi: 65.038.353 đồng (gồm lãi trong hạn: 456.477 đồng; lãi quá hạn: 64.581.876 đồng);
Phạt chậm trả lãi: 12.324.519 đồng;

2.2. Các đương sự thống nhất xác nhận: Ông K, bà H có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng A theo lộ trình sau:

- Chậm nhất ngày 30/7/2022, trả số tiền 100.000.000 đồng trừ vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 6130936 ngày 15/02/2016;
- Chậm nhất ngày 30/8/2022, trả số tiền 100.000.000 đồng trừ vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 6130936 ngày 15/02/2016;
- Chậm nhất ngày 30/9/2022, ông K, bà H tất toán toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1907231546551 ngày 07/8/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2002062139483 ngày 18/02/2020; Hợp đồng tín dụng số 6130936 ngày 15/02/2016; Hợp đồng tín dụng số LN1807110791921 ngày 12/7/2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/8/2017.

2.3. Kể từ ngày 17/6/2022 ông K và bà H vẫn tiếp tục phải chịu toàn bộ lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán và khoản tiền phạt chậm trả lãi phát sinh trên tổng dư nợ lãi chưa thanh toán theo đúng mức thỏa thuận trong các Hợp đồng tín

dụng và các khế ước nhận nợ đính kèm nêu trên cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2.4. Trường hợp, ông K, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng lộ trình trả nợ trên, Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng A, cụ thể: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số Y, tờ bản đồ số: 7-A-(1956), tại địa chỉ: phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 584332 do UBND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/03/2010, đứng tên ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thu H (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 2336.10 ngày 02/4/2010 tại Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội; Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 15/02/2016).

- Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A, Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiếp tục xác minh điều kiện thi hành án của ông K và bà H để tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/ sử dụng hợp pháp của ông K và bà H để thu hồi nợ cho Ngân hàng A.

3. Án phí: Các đương sự thống nhất, ông K, bà H phải chịu số tiền án phí theo quy định pháp luật là: 57.392.042 đồng (năm mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng). Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.100.000 đồng (năm mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0069367 ngày 26/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quản Văn Tiến